

Số: 11/2024/QĐST - HC

Tuyên Quang ngày 30 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Duyên
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Căn cứ vào Điều 143, Điều 144 và Điều 165 của Luật tố tụng hành chính;

Xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX thấy rằng:

Ngày 31/12/2010, Ủy ban nhân dân huyện Y đã ban hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) số BD 636849 mang tên ông Nguyễn Tiến D và bà Trần Thị Q đối với thửa đất số 212, bản đồ số 44, diện tích 1014,7m², địa chỉ thôn K, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Tại đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bích S đề ngày 11/01/2024 (dấu bưu điện ngày 15/01/2024) ông T, bà S xác định tháng 5/2023 khi ông T, bà S đi hỏi thủ tục cấp GCNQSD đất thì ông bà mới biết việc anh D, chị Q đã được cấp GCNQSD đất đối với diện tích trên.

Tại đơn xin xác nhận nguồn gốc đất ngày 03/7/2010 của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bích S (BL 08) có nội dung: “Gia đình tôi tự khai phá được thửa đất để làm vườn tại xóm K, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, nay được chuyển vào bản đồ số 44, thửa số 212 với tổng diện tích là 1014,7m² đến năm 1999 tôi cho con trai tôi là Nguyễn Tiến D để sử dụng làm nhà ở và trồng cây lâu năm từ đó đến nay sử dụng ổn định không có tranh chấp với hộ lân cận nào. Vậy tôi làm đơn này kính mong UBND xã C và các cấp có thẩm quyền xem xét tạo điều kiện giúp đỡ cấp GCNQSD đất cho con trai tôi là Nguyễn Tiến D và con dâu Trần Thị Q”. Theo Kết luận giám định số 546/KL-KTHS ngày 24/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: “Chữ ký ghi tên Nguyễn Văn T dưới mục “Người viết đơn” trên mẫu giám định ký hiệu A1, dưới mục “Bố Đẻ” trên mẫu giám định ký hiệu A2 với chữ ký ghi tên Nguyễn Văn T dưới mục “Người làm đơn” trên mẫu giám định ký hiệu M1, dưới mục “người làm tự kiểm điểm” trên mẫu giám định ký hiệu M2, dưới mục “NGƯỜI KHAI” trên mẫu giám định ký hiệu M3 là do cùng một người ký.

Kết luận trên thể hiện việc ông T cho con đất và đề nghị các cấp có thẩm quyền cấp GCNQSD đất cho anh D, chị Q từ năm 2010.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 01/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, ông T, bà S trình bày: “...Đến năm 2020 con gái của anh D là Nguyễn Quỳnh T1 đi lấy chồng, anh D thường xuyên đi làm xa nhà nên đã đưa GCNQSD đất mang tên anh D và chị Q cho chúng tôi (ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bích S) cất hộ. Lúc này chúng tôi (Thạch, S) mới biết diện tích đất vợ chồng tôi cho anh D mượn đã cấp GCNQSD đất mang tên anh Nguyễn Tiến D và chị Trần Thị Q...”.

Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 có quy định: “2. Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp được quy định như sau: a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc”.

Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định, thời điểm ông T, bà S biết anh Nguyễn Tiến D và chị Trần Thị Q được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 636849 đối với thửa đất số 212, tờ bản đồ số 44, diện tích 1014,7m², địa chỉ thôn K, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào thời điểm năm 2020 hoặc trước đó, do đó đến ngày 15/01/2024 ông T, bà S mới nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đề nghị hủy GCNQSD đất số BD 636849 đối với thửa đất số 212, tờ bản đồ số 44 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho anh Nguyễn Tiến D và chị Trần Thị Q là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 06/2024/TLST-HC, ngày 15/02/2024 về việc: "Khiếu kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân, giữa:

* **Người khởi kiện:** - Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1947
- Bà Trần Thị Bích S, sinh năm 1949

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Ngô Việt T2 và ông Vũ Quang B – Công ty L, địa chỉ: Khu dân cư L, tổ A phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

* **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang
Địa chỉ: Thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân xã C, huyện Yên Sơn

Địa chỉ: Thôn Trường Sơn, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1975
Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
- Chị Trần Thị Q, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Thôn F, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.
- Chị Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1967.
Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
Tạm trú: Khu A, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Chị Nguyễn Thị Phương T4, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bích S không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ việc.

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bích S là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bích S phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết số tiền là 3.660.000đ (ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng). Ông T, bà S đã nộp đủ.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này hoặc kể từ ngày Quyết định này được niêm yết công khai theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hương